

Bản án số: 50/2020/HC-PT
Ngày: 14-5-2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
Trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn.**

Ông **Lê Tụ.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Phạm Tấn Ánh**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14-5-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 57/2019/TLPT-HC ngày 23-12-2019 về “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2020/QĐ-PT ngày 20-4-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Đoàn Văn S** (tên gọi khác: S3), sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Văn S1**, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Thôn M, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 19-6-2019), có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 52, đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh:

Ông **Lê Chí P** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp; địa chỉ cơ quan: Số 108, đường P1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện S2; địa chỉ: Quốc Lộ 24B, xã T1, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Đ** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND

huyện S2 (Văn bản ủy quyền số 1156/UBND ngày 26-4-2019); địa chỉ: Quốc Lộ 24B, xã T1, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1964.
2. Chị Đoàn Thị Phương L1, sinh năm 1993.
3. Chị Đoàn Thị Phương H1, sinh năm 1994.
4. Anh Đoàn Công A, sinh năm 1999.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, chị L1, chị H1 và anh Công A): Ông Đoàn Văn S (S3), sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi (Giấy ủy quyền ngày 11-02-2019); ông S3 có mặt.

5. Ông Đoàn Văn S4, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Ngày 25-10-2019, ông Đoàn Văn S4 ủy quyền cho bà Đoàn Thị Thu S5, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 08-4-2020, ông Đoàn Văn S4 chấm dứt việc ủy quyền, tự mình tham gia tố tụng.

6. Bà Trịnh Thị H2, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

7. Chị Đoàn Bá Yến Nh, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Cháu Đoàn Bá Yến V, sinh năm 2009.

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Ông Đoàn Văn S4 và bà Trịnh Thị H2; cùng địa chỉ cư trú : Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, ông S4 mặt.

9. Bà Đoàn Thị Thu S5, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn Đ1, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

10. Ông Đoàn Văn S1, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, Quảng Ngãi, có mặt.

11. Ông Đoàn Văn S6 (S7), sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S6 (S7): Ông Đoàn Văn S (tên gọi khác: S3), sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn H, xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

12. Ông Đoàn Văn S8, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Xóm 6, thôn Cộng Hòa 1, xã T3, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Đoàn Văn S trình bày:

Trước năm 1975, cha, mẹ ông thừa hưởng một thửa đất do ông, bà lưu hạ. Theo Chỉ thị 299/TTg, thì mẹ ông là Lâm Thị Nh1 là người đăng ký kê khai và thửa đất này có số hiệu 402, tờ bản đồ số 21, diện tích 6.736 m² thuộc xã T, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1991, ông lập gia đình thì được mẹ ông và các anh, chị, em đồng ý cắt chia cho ông một phần thửa đất số 402, tờ bản đồ số 21, với diện tích khoảng 2.500 m² để ông làm nhà ở. Ông quản lý, sử dụng thửa đất này ổn định, liên tục và ngày 27-12-2000, được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện

S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 01208 QSDĐ/1306/QĐUB (H), số hiệu thửa đất 744, tờ bản đồ 23, diện tích 2.265 m² tại xã T, huyện S2.

Năm 2003, UBND huyện S2 tự ý làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với thửa đất số 744, tờ bản đồ 23 từ diện tích 2.265 m² xuống còn 980 m², bản thân ông hoàn toàn không biết. Chữ viết và chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 21-6-2003 không phải của ông.

Đầu năm 2015, ông với ông Đoàn Văn S4 có tranh chấp đất. Ngày 04-12-2015, ông S4 có đơn gửi đến UBND huyện S2, cho rằng diện tích đất mà UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông chồng lên thửa đất số 770, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.728 m² của mẹ ông là bà Lâm Thị Nh1 (được UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003). Do đó, ngày 10-3-2017, UBND huyện S2 ra Thông báo số 129/TB-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông vào năm 2000 (thửa đất số 744, tờ bản đồ 23, diện tích 2.265 m² xã T) và ngày 04-4-2017, UBND huyện S2 ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện S2 và ngày 18-5-2017, Chủ tịch UBND huyện S2 ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông; ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và ngày 27-11-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2), bác đơn khiếu nại. Không đồng ý với Thông báo của UBND huyện S2; quyết định của Chủ tịch UBND huyện S2 và quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, ông khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy:

- Hủy Thông báo số 129/TB-UBND ngày 10-3-2017 của UBND huyện S2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 của UBND huyện S2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 18-5-2017 của Chủ tịch UBND huyện S2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02783 QSDĐ/1087/QĐ-UBND ngày 27-12-2003 do UBND huyện S2 cấp cho ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 744, tờ bản đồ 23, diện tích 980 m² tại xã T, huyện S2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02793/QSDĐ/1087/2003/QĐ-UB (H) ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho bà Lâm Thị Nh1 đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.827 m² tại xã T, huyện S2.

Người bị kiện:

- *Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Thửa đất số 744, diện tích 2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ 23 xã T (bản đồ 1999) đã được UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S vào ngày 27-12-2000 có nguồn gốc là của bà Lâm Thị Nh1 cho, sử dụng từ khoảng năm 1991-1995 đến nay. Dù giới cận thửa đất thể hiện trên bản đồ và trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có ranh giới về phía Tây tiếp giáp với

mở mã tộc họ là thửa số 743, bản đồ năm 1999, nhưng từ khi được cho đất làm nhà ở đến trước khi phát sinh tranh chấp với ông Đoàn Văn S4 vào năm 2015, thì ranh giới sử dụng đất về phía Tây của ông S ở thửa đất số 744, không tiếp giáp với thửa đất số 743. Năm 2015, khi có tranh chấp với ông S4, ông S đã tháo dỡ hàng rào ranh giới cũ đã có từ trước để làm lại hàng rào mới, trên phạm vi toàn bộ thửa đất số 744, diện tích 2.265 m² và có ranh giới, mốc giới như hiện nay là không đúng với thực tiễn quản lý, sử dụng đất.

Hiện trạng sử dụng đất thực tế của ông Đoàn Văn S từ khi ra sử dụng riêng cho đến năm 2015 là ổn định, có ranh giới rõ ràng. Qua xác minh cho thấy ranh giới không phù hợp với ranh giới hiện nay và có diện tích nhỏ hơn so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S năm 2000. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S vào năm 2000 là không đúng hiện trạng sử dụng đất thực tế, diện tích đất thực tế tại thời điểm cấp, do đó đã vi phạm quy định tại điểm 3 khoản 1.4 mục I phần I Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính; nay đối chiếu điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, thì thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ông Đoàn Văn S năm 2000.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27-11-2017, bác khiếu nại của ông Đoàn Văn S là đúng quy định của pháp luật.

- UBND huyện S2 và Chủ tịch UBND huyện S2 trình bày:

Nguyên thửa đất số 744/2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ số 23, xã T là do ông, bà tạo lập lưu hạ lại cho cha, mẹ ông Đoàn Văn S (bà Lâm Thị Nh1 là mẹ ông S). Trong quá trình sử dụng đất, bà Nh1 cho ông S (cho bằng miệng) một phần đất để làm nhà ở với diện tích 980 m² (nay là thửa số 744/980 m², tờ bản đồ số 23, xã T). Diện tích này hộ ông S quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Diện tích đất còn lại là 1.285 m² do hộ bà Lâm Thị Nh1 và ông Đoàn Văn S4 quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, tại thời điểm kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất năm 2000, hộ ông Đoàn Văn S đứng tên kê khai, đăng ký toàn bộ diện tích đất 2.265 m² để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định tại điểm 1 khoản 1.3 mục I phần I Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính.

Quá trình đề nghị UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S tại thửa đất số 744/2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ số 23, xã T, thì Hội đồng đăng ký đất xã T đã không xác định hiện trạng sử dụng đất, không đưa ra xét duyệt và khi lập danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã T thiếu kiểm tra dẫn đến việc đề nghị UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S không đúng diện tích đất tại thửa đất số 744/2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ số 23, xã T là không đúng quy định tại khoản IV.1 mục IV, phần I Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27-12-2000 cho hộ ông Đoàn Văn S tại thửa đất số 744/2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ số 23, xã T phải bị thu hồi.

Như vậy, việc UBND huyện S2 ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27-12-2000 cho hộ ông Đoàn Văn S tại thửa đất số 744/2.265 m², loại đất T, tờ bản đồ số 23, xã T là

đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đoàn Văn S có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện S2 thụ lý, giải quyết và ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 18-5-2017, bác khiếu nại của ông Đoàn Văn S là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Văn S4 trình bày:

Mẹ ông là bà Lâm Thị Nh1 (chết năm 2012) có nhà, đất tại thửa đất số 402, loại đất T và đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg do UBND xã T lập năm 1986. Năm 1993, sau khi lập gia đình, các anh, chị của ông ra ở riêng và buộc ông phải trả nợ thay cho gia đình khi mua nhà đất này là 02 chỉ vàng và 80.000 đồng. Ông Đoàn Văn S (S3) thay mặt cho 05 anh em ký. Sau đó, ông khai phá hầm hố trước đây và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước và năm 2003, được UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông (Nh1) tại thửa đất số 770, diện tích 5.827 m². Ông đã rào chắn trụ bê tông, lưới kẽm gai toàn bộ diện tích đất này và canh tác ổn định đến năm 2015.

Trước đó, (năm 1992), ông Đoàn Văn S lấy vợ và cắt khẩu từ hộ khẩu của mẹ ông để nhập khẩu về phía vợ ông S ở huyện B. Năm 1995, chính quyền xã T thông báo kiểm tra hộ khẩu để chia đất theo Nghị định số 64/CP thì ngày 10-11-1995, ông Đoàn Văn S nhập khẩu cả vợ, con vào hộ khẩu của mẹ ông (xã T, huyện S2). Ngày 24-11-1995, ông Đoàn Văn S tách khẩu và đề nghị chính quyền cấp ruộng theo Nghị định 64/CP, nhưng thực tế gia đình ông S vẫn ở xã B1, huyện B, mãi đến năm 2000, gia đình ông S mới về quê (xã T) sinh sống như hiện nay.

Tháng 8-2015, vợ chồng ông vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn thì Ban thôn H, xã T mời ông về để giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S về việc ông S cho rằng ông trồng cây trên đất của ông S. Ông S cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 744/2.265 m² cấp năm 2000 và khi đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 770/5.827 m² đã cấp cho mẹ ông vào năm 2003, thì có sự chồng lấn diện tích đất lên nhau.

Ngày 27-10-2015, ông Đoàn Văn S rào chiếm đất mà ông đang canh tác, ông khiếu nại và được Công an xã T lập biên bản. Ngày 03-11-2015, UBND xã T tổ chức hòa giải, xác định ông Đoàn Văn S có 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thửa đất số 744 có chồng diện tích đất với thửa đất số 770 là 1.225 m², nhưng ông S không thừa nhận có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 744, diện tích 980 m² cấp năm 2003.

Năm 2015, ông Đoàn Văn S phá hủy hàng rào trụ bê tông của ông đã rào ranh giới giữa thửa đất số 770 diện tích 5.827 m² (đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ ông vào năm 2003) với thửa đất số 744, diện tích 980 m² của ông S và nhổ phá cây trồng của ông gây thiệt hại tổng số tiền 21.791.160 đồng (ông khởi kiện và được Tòa án buộc ông S bồi thường).

Ngày 04-4-2017, UBND huyện S2 ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Văn S tại thửa đất số 744, diện tích 2.265 m² đã cấp cho ông S vào năm 2000. Ngày 18-5-2017, Chủ tịch UBND huyện S2 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông S. Ngày 27-11-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định số 2267/QĐ-UBND giải quyết lần hai và điều

bác khiếu nại của ông S.

Nay ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn S.

- Bà *Trịnh Thị H2, chị Đoàn Bá Yến Nh*: Điều thống nhất các nội dung ông Đoàn Văn S4 trình bày.

- Bà *Đoàn Thị Thu S5* trình bày:

Bà là con gái của bà *Lâm Thị Nh1*, là chị ruột của ông Đoàn Văn S, Đoàn Văn S4. Năm 1993, ông Đoàn Văn S1, ông Đoàn Văn S buộc ông S4 mua nhà bằng cách phải thay gia đình trả nợ của gia đình do lo đám tiệc của các ông. Sau đó, ông S4 đã khai hoang, vỡ hóa canh tác ổn định thửa đất từ đó đến nay và nuôi mẹ, không ai đóng tiền cùng ông S4 để lo cho mẹ. Bà cho rằng, việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Văn S là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện ông Đoàn Văn S.

- Các ông *Đoàn Văn S1, Đoàn Văn S6 và Đoàn Văn S8* trình bày: Đồng ý với nội dung khởi kiện và các yêu cầu của ông Đoàn Văn S. Không có ý kiến bổ sung gì khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HCST ngày 08-11-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Phần 2 Thủ tục đăng ký đất đai, xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn S, tuyên xử:

- Hủy Thông báo số 129/TB-UBND ngày 10-3-2017 của UBND huyện S2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 của UBND huyện S2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 18-5-2017 của Chủ tịch UBND huyện S2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02783/QSDĐ/1087/QĐ-UBND ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 774/980 m², tờ bản đồ 23, xã T, huyện S2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02793/QSDĐ/1087/2003/QĐ-UBND ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho bà *Lâm Thị Nh1* đối với thửa đất số 770/5827 m², tờ bản đồ số 23, xã T, huyện S2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15-11-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn S4

kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02793/QSĐĐ/1087/2003/QĐ-UBND ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho bà Lâm Thị Nh1 đối với thửa đất số 770/5827 m², tờ bản đồ số 23, xã T, huyện S2 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên ngày 15-11-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn S4 kháng cáo; đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn S4 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, ông Đoàn Văn S4 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để làm rõ những mâu thuẫn, những tình tiết chưa sáng tỏ và đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S2 - Chi nhánh 3 vào tham gia tố tụng; người khởi kiện giữ nguyên các nội dung khởi kiện; người bị kiện giữ nguyên thông báo và các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đoàn Văn S4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Đoàn Văn S4:

[2.1]. Về thủ tục, thẩm quyền và thời hạn, thời hiệu ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Trên cơ sở kết quả thẩm tra của Chánh thanh tra huyện S2 tại Báo cáo số 59/BC-TTH ngày 03-3-2017 về kết quả thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S ngày 27-10-2000; ngày 10-3-2017, Chủ tịch UBND huyện S2 ban hành Thông báo số 129/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S ngày 27-10-2000 đối với thửa đất số 744/2.265 m², tờ bản đồ số 3 xã T.

Ngày 04-4-2017, UBND huyện S2 ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S đối với thửa đất nêu trên. Ngày 10-4-2017, ông Đoàn Văn S đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện S2. Ngày 13-4-2017, Chủ tịch UBND huyện S2 ban hành Thông báo số 172/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và giao nhiệm vụ cho Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S2 và UBND xã T xác minh nội dung khiếu nại của ông Đoàn Văn S. Sau khi có kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện S2 tiến hành đối thoại. Ngày 18-5-2017, Chủ tịch UBND huyện S2 ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, bác đơn của ông Đoàn Văn S.

Ông Đoàn Văn S khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 17-7-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1328/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ cho Chánh thanh tra tỉnh Quảng Ngãi thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại lần 02 của ông S. Sau khi có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tiến hành đối thoại.

Ngày 27-11-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 và bác đơn khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

Như vậy, việc UBND huyện S2, Chủ tịch UBND huyện S2 và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành các quyết định hành chính nêu trên là đúng quy định của pháp luật về đất đai và Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Các đương sự thừa nhận: Nguyên thửa đất số 402, tờ bản đồ số 21, loại đất T, diện tích 6.736 m² xã T (bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg) có nguồn gốc do ông, bà tạo lập, lưu hạ lại cho vợ chồng bà Lâm Thị Nh1 sử dụng. Bà Nh1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng và đứng tên kê khai, đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b). Khoảng năm 1991, bà Nh1 cho con là ông Đoàn Văn S một phần diện tích đất tại thửa đất này để làm nhà ở (các bên đương sự không xác định diện tích cho cụ thể).

Theo Bản đồ địa chính lập năm 1999, thửa đất số 402, tờ bản đồ số 21 biến động thành 02 thửa đất: Thửa đất số 744, diện tích 2.265 m² và thửa đất số 770, diện tích 6.232 m², đều thuộc tờ bản đồ số 23; trong đó, nhà ở của ông Đoàn Văn S trên thửa đất số 744, nhà ở của bà Lâm Thị Nh1 trên thửa đất số 770. Ông Đoàn Văn S4 sống chung với bà Nh1 từ trước đến nay.

Ông Đoàn Văn S đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 744, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.265 m² vào sổ địa chính. Năm 2000, ông S làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này, được Hội đồng đăng ký đất đai xã T họp xét thống nhất (biên bản họp Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 66-BB-BB ngày 03-10-2000). Ngày 04-12-2000, UBND xã T có Tờ trình số 30-TT/UB đề nghị UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27-12-2000, UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S đối với thửa đất số 744, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.265 m² xã T (UBND xã T thừa nhận đã làm mất Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông S), còn thửa đất số 770, tờ bản đồ số 23, diện tích 6.232 m² do bà Lâm Thị Nh1 đứng tên trong Sổ địa chính.

Như vậy, có căn cứ xác định: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S đối với thửa đất 744, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.265 m² xã T bà Lâm Thị Nh1 còn sống. Các anh, chị, em của ông Đoàn Văn S đều biết việc bà Nh1 cho đất ông S, nhưng bà Nh1 và các anh, chị, em của ông S không có ai tranh chấp, khiếu nại về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, các ông Đoàn Văn S1, Đoàn Văn S6 (S7) và Đoàn Văn S8 (là các anh, em ruột của ông S) đều xác nhận việc bà Lâm Thị Nh1 cho đất ông S, nhưng không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu, nhưng hình thể, giới cận đúng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đoàn Văn S ngày 27-12-2000. Sau khi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đoàn Văn S quản lý, sử dụng ổn định, liên tục, đúng diện tích, giới cận đã được cấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đến năm 2015, thì giữa ông Đoàn Văn S4 và ông Đoàn Văn S mới phát sinh tranh chấp về ranh giới đất.

Theo bản đồ địa chính đo đạc chỉnh lý năm 2003, thì thửa đất số 402 (bản đồ 299/TTg) biến động thành 03 thửa đất gồm: (1) Thửa đất số 770/5.827m², UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Nh1; (2) thửa đất số 744/980m², UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông

Đoàn Văn S3 và (3) thửa đất số 865/1.330 m², UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S4, đều thuộc tờ bản đồ số 23 xã T.

Theo bản đồ đồ 299/TTg, thì thửa đất số 744 chỉ còn là một phần diện tích về phía Đông của thửa đất số 774 theo bản đồ năm 1999; thửa đất số 865 được tách ra từ thửa đất số 770 theo bản đồ năm 1999; còn thửa đất số 770 có diện tích chồng lấn lên một phần diện tích về phía Tây của thửa đất số 744 theo bản đồ năm 1999.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn S xác định ông không biết việc UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 744/980 m² vào ngày 27-12-2003. Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 21-6-2003 không phải là chữ viết và chữ ký của ông, ông không làm bất kỳ thủ tục đăng ký, kê khai nào để yêu cầu UBND huyện S2 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với thửa đất số 744/980 m² vào ngày 27-12-2003. Ông S đã có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của ông tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 21-6-2003. Tại Kết luận giám định số 773/KLGĐ-PC09 ngày 18-10-2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

1. Các chữ viết trên tài liệu cần giám định có đầu đề “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 21-6-2003 ghi tên Đoàn Văn S3 (ký hiệu A) với chữ viết đề tên Đoàn Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh có đầu đề “Phiếu nhận tài liệu, văn bản của công dân” đề ngày 14-11-2018, “Đơn bổ sung giấy ủy quyền” đề ngày 12-02-2019 (ký hiệu M2), “Đơn yêu cầu giám định” đề ngày 22-9-2019 (ký hiệu M1, M2, M3) là không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký (chữ viết) “S3” dưới cột mục “Người sử dụng đất” trên tài liệu cần giám định có đầu đề “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 21-6-2003 ghi tên Đoàn Văn S3 (ký hiệu A) với chữ ký (chữ viết) đề tên Đoàn Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh có đầu đề “Phiếu nhận tài liệu, văn bản của công dân” đề ngày 14-11-2018, “Đơn bổ sung giấy ủy quyền” đề ngày 12-02-2019 (ký hiệu M2), “Đơn yêu cầu giám định” đề ngày 22-9-2019 (ký hiệu M1, M2, M3) là không phải do cùng một người ký (viết) ra.

Tại thời điểm năm 2003, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đoàn Văn S đối với thửa đất số 744, tờ đồ số 23, diện tích 2.265 m² xã T vào ngày 27-12-2000 chưa được thu hồi nhưng ngày 27-12-2003, UBND huyện S2 lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S3 đối với thửa số 744/980 m² và việc cấp lại này đã trùng lên một phần tích đất của thửa đất số 744, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.265 m² lập năm 1999. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lâm Thị Nh1 đối với thửa đất số 770/5.827 m² vào ngày 27-12-2003 trùng lên một phần diện tích đất của thửa đất số 744, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.265 m² mà UBND huyện S2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S vào ngày 27-12-2000. Như vậy, có cơ sở để khẳng định, UBND huyện S2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đoàn Văn S3 đối với thửa số 744/980 m² vào ngày 27-12-2003 là không đúng pháp luật.

Ngoài ra, UBND huyện S2 căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 744/980 m² vào ngày 27-12-2003, từ đó cho rằng ông S không sử dụng đúng thực tế toàn bộ diện tích 2.265 m² của thửa đất số 744, tờ bản đồ số 23 mà UBND huyện S2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S vào ngày 27-12-2000 để ban hành Quyết định thu

hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S đối với thửa đất này là không có căn cứ.

[2.3]. Như đã phân tích nêu trên, việc UBND huyện S2 ban hành Thông báo số 129/TB-UBND ngày 19-3-2017 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/QSĐĐ/1036/QĐ-UB(H) ngày 27-12-2000 cấp cho ông Đoàn Văn S; đồng thời, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02783/QSĐĐ/1087/QĐ-UBND(H) ngày 27-12-2003 cho ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 774/980 m², tờ bản đồ 23, xã T, huyện S2 là không có căn cứ; không đúng về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện S2, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không khắc phục được sai phạm nêu trên, mà lại ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, bác các yêu cầu khiếu nại của ông Đoàn Văn S là không đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn S là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của ông Đoàn Văn S4 đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Đoàn Văn S4 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của ông Đoàn Văn S4.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn S.

Tuyên xử:

- Hủy Thông báo số 129/TB-UBND ngày 10-3-2017 của UBND huyện S2 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 04-4-2017 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01208/QSĐĐ/1036/QĐ-UB (H) ngày 27-12-2000 cấp cho ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 18-5-2017 của Chủ tịch UBND huyện S2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn S.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02783/QSĐĐ/1087/QĐ-UBND(H) ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho ông Đoàn Văn S3 đối với thửa đất số 774/980 m², tờ bản đồ 23, xã T, huyện S2.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02793/QSĐĐ/1087/2003/QĐ-UBND(H) ngày 27-12-2003, do UBND huyện S2 cấp cho bà Lâm Thị Nh1 đối với thửa đất số 770, tờ bản đồ số 23, diện tích 5.827 m², tại

xã T, huyện S2.

3. Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Đoàn Văn S4 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004788 ngày 11-12-2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi, nay được chuyển thành án phí; ông Đoàn Văn S4 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường